

Bản án số: 43/2019/HN&GD-ST

Ngày: 18-9-2019

“V/v: tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Phú Vinh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Kha; Ông Trịnh Văn Thành
- **Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nga** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Hương** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2019 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 181/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019 về việc *“tranh chấp ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2019/QĐXX-ST ngày 05 tháng 8 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 20/QĐ-HPT ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị A, sinh năm 1980; Trú tại: khu phố 3, phường TT, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. *(Có mặt)*

Bị đơn: Ông Đỗ Lai B, sinh năm 1974; Trú tại: khu phố 3, phường TT, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. *(Vắng mặt không có lý do)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai đã nộp cho Tòa án của nguyên đơn bà Lê Thị A trình bày:

Tôi (A) và ông B đã tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã HH, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 13 tháng 12 năm 2002. Việc chung sống và đăng ký kết hôn giữa tôi với ông B là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Thời gian đầu chúng tôi chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian sau này thì giữa tôi và ông B phát sinh nhiều mâu thuẫn. Lý do là tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không thống nhất được mọi việc trong gia đình, tôi và ông B đã cố gắng hòa giải với nhau nhiều lần nhưng không được mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Do vậy, tôi thấy tình cảm giữa tôi và ông B không còn nữa, mục đích hôn nhân

không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông B.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, tôi và ông B có hai con chung là cháu Đỗ Tuấn C, sinh ngày 06 tháng 11 năm 2003 và cháu Đỗ Quốc D, sinh ngày 02 tháng 8 năm 2006. Tôi và ông B tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi và ông B tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đỗ Lai B vắng mặt nên không có lời trình bày:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng khác đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 36; Điều 39; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Chấp nhận cho bà Lê Thị A được ly hôn với ông Đỗ Lai B.

Về con chung; Tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Xác định đây là vụ án “Ly hôn” do bà Lê Thị A đứng đơn khởi kiện, bị đơn là ông Đỗ Lai B cư trú tại khu phố 3, phường TT, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

[1.2] Về việc vắng mặt đương sự: Bị đơn ông Đỗ Lai B vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án đã tiến hành tổng đạt đầy đủ các văn bản hợp lệ trong suốt quá trình tố tụng, nên xem như ông B từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình tại Tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông B theo thủ tục chung.

[2] Phân tích nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo lời trình bày của nguyên đơn là bà Lê Thị A cho thấy, bà A và ông B tự nguyện chung sống với nhau và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã HH, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 13 tháng 12 năm 2002. Do đó, quan hệ hôn nhân này được xác định là hợp pháp.

Theo lời trình bày của bà A thì thời gian đầu bà và ông B chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian sau này thì giữa bà A và ông B phát sinh nhiều mâu

thuần. Lý do là tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không thống nhất được mọi việc trong gia đình, bà A và ông B đã cố gắng hòa giải với nhau nhiều lần nhưng không được mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Nay bà A thấy tình cảm giữa bà và ông B không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông B.

Trong quá trình thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa, ông B vắng mặt nên không có lời trình bày. Tuy nhiên, tại Biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân giữa bà Lê Thị A và ông Đỗ Lai B, thì ông Nguyễn Văn E là Trưởng khu phố 3, phường TT, thành phố Đồng Xoài cung cấp là trước đây ông E là hàng xóm của gia đình bà A, ông B nên biết ông B hay đánh bà A. Hơn nữa, trong quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa, bà A vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu được ly hôn với ông B. Cho thấy rằng, tình trạng hôn nhân giữa bà A và ông B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà A.

[2.2] *Về con chung*: Không yêu cầu nên không xem xét.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] **Về án phí HNGĐ sơ thẩm**: Bà A phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 36; Điều 39; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị A về việc tranh chấp “ly hôn”.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị A được ly hôn với ông Đỗ Lai B.

Về con chung: Không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị A phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001091, Quyền số 0022 ngày 08 tháng 5 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Bà Lê Thị A được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Đỗ Lai B được quyền kháng cáo bản án trong hạn

15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật
tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước.
- VKSND TP Đồng Xoài;
- CC THA DS TP ĐX;
- UBND xã HH,
- H. Hoàng Hóa, T. Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Phú Vinh